**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN, KHỐI LỚP 7**

**Năm học 2024 - 2025**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết theo PPCT** | **Yêu cầu cần đạt.** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG I. SỐ HỬU TỈ** | | | | |
| Bài 1: Tập hợp Q các số hữu tỉ | 2 | 1; 2 | **Năng lực:**  **+** Hiểu được khái niệm số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.  + Biểu diễn các số hữu tỉ trên trục số.  **+** So sánh được hai số hữu tỉ.  + Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 2: Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ | 2 | 3;4 | **Năng lực:**  + Năng lực giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.  + Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q.  + Vận dụng các tính chất của phép toán và quy tắc dấu ngoặc để tính viết, tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  + Giải quyết một số bài toán dùng số hữu tỉ.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Luyện tập chung | 1 | 5 | **Năng lực:**  **+** Vận dụng các kiến thứctrong bài 1, 2 để giải quyết các bài tập liên quan một số tình huống thực tiễn.  **+** Hoàn thiện dần kỹ năng trình bày bài tập thực tế.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ | 2 | 6; 7 | **Năng lực:**  **+** Nhận biết được lũy thừa với số mũ tự nhiên.  + Tính được lũy thừa với số mũ tự nhiên.  + Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.  + Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 4: Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế. | 2 | 8; 9 | **Năng lực:**  + Tính được giá trị của biểu thức có nhiều phép tính chính xác và hợp lý.  + Thể hiện được lời giải toán học vào ngữ cảnh thực tiễn, sử dụng được để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tế đơn giản.  + Mô tả thứ tự thực hiện các phép tính  + Mô tả quy tắc chuyển vế  + Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn liền với các phép tính về số hữu tỉ.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung | 2 | 10;11 | **Năng lực:**  **+** Vận dụng các kiến thứctrong bài 3, 4 để giải quyết các bài tập liên quan một số tình huống thực tiễn.  **+** Hoàn thiện dần kỹ năng trình bày bài tập thực tế.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Bài tập cuối chương I | 2 | 12;13 | **Năng lực:**  **+** Hệ thống các kiến thức đã học trong chương I  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập, một số tình huống thực tiễn đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| **CHƯƠNG II. SỐ THỰC** | | | | |
| Bài 5: Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn ( Tiết 1)  **Bắt đầu tổ chức dạy học theo dự án:** Ứng dụng của số hữu tỉ trong thực tế ( Tiết 2 ) | 2 | 14, 15 | **Năng lực:**  + Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.  + Làm tròn được số thập phân căn cứ vào độ chính xác cho trước.  + Vận dụng để giải quyết một số bài tập thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  - Triển khai nội dung dạy học theo dự án.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Ôn tập giữa học kì 1 | 2 | 16; 17 | **Năng lực:**  Ôn tập kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 8 (Phần Đại số và Hình học)  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Bài 6: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học | 2 | 18; 19 | **Năng lực:**  **+** Tính được căn bậc hai số học của một số chính phương.  + Giải quyết được các bài toán có nội dung thực tế liên quan.  + Nhận biết số vô tỉ  + Nhận biết căn bậc hai số học của một số không âm  + Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài 7: Tập hợp các số thực | 2 | 20; 21 | **Năng lực:**  + Sử dụng được kí hiệu về tập hợp số thực.  + Nhận biết số thực, số đối và giá trị tuyệt đối của số thực  + Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi  + Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung  **Tổ chức báo cáo dạy học theo dự án:** Ứng dụng của số hữu tỉ trong thực tế ( Tiết 2 ) | 2 | 22; 23 | **Năng lực:**  **+** Vận dụng các kiến thứctrong bài 5, 6, 7 để giải quyết các bài tập liên quan một số tình huống thực tiễn.  **+** Hoàn thiện dần kỹ năng trình bày bài tập thực tế.  + Báo cáo kết quả dạy học theo dự án.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Bài tập cuối chương II | 1 | 24 | **Năng lực:**  **+** Hệ thống các kiến thức đã học trong chương II  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập, một số bài toán thực tiễn.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề, trí tưởng tượng; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập.+ Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |  |
| **CHƯƠNG V. THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU** | | | | |
| Bài 17: Thu thập và phân loại dữ liệu | 1 | 25 | **Năng lực**:  + Biết thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, lập bảng hỏi.  + Biết phân loại dữ liệu.  + Biết lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng.  + Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn.  + Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng bảng  + Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.  + Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được.  + Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn.  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  **+** Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo |  |
| Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn | 1 | 26 | **Năng lực:**  + Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn  + Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn)  + Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn.  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 19: Biểu đồ đoạn thẳng | 1 | 27 | **Năng lực**:  + Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.  + Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.  + Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng.  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Luyện tập chung | 1 | 28 | **Năng lực**:  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan.  **+** Nâng cao kỹ năng giải toán, vận dụng giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  **+** Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo. |  |
| Bài tập cuối chương V | 2 | 29;30 | **Năng lực**:  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  **+** Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo. |  |
| **Hoạt động thực hành trải nghiệm**  Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra | 2 | 31;32 | **Năng lực:**  + Biết sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ: Hai đường thẳng song song, tia phân giác của một góc, đường trung trực của đoạn thẳng, tam giác biết một số yếu tố về cạnh và góc.  **Phẩm chất: +** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam | 1 | 33 | **Năng lực**:  + Biết thu thập số liệu về dân số VN từ năm 2011+2020 từ Website của Tổng cục thống kê.  + Biết vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dân số Việt Nam từ năm 20211 - 2020  + Biết vẽ biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn cơ cấu dân số Việt Nam năm 2020 theo giới tính và nơi sinh sống.  + Biết phân tích dữ liệu  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.  + Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam |  |
| Ôn tập cuối học kì 1 | 1 | 34 | **Năng lực**  + Tổng hợp, hệ thống được kiến thức trong chương 1, 2, 5  *+* Vận dụng các nội dung kiến thức đã được học vào giải toán, giải quyết các vấn đề thực tiễn  + Có kỹ năng trình bày, lập luận  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  **+** Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo |  |
| **Kiểm tra cuối học kì 1** | **2** | **35; 36** | **Kiểm tra kiến thức học kì I (Phần Đại số và Hình học)** |  |
| **HÌNH HỌC**  **CHƯƠNG III. GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG** | | | | |
| Bài 8: Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc. | 2 | 1; 2 | **Năng lực:**  + Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.  + Nhận biết tia phân giác của một góc  + Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| **Nghiên cứu bài học:**  Bài 9: Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết | 2 | 3, 4 | **Năng lực:**  + Nhận biết các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng.  + Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.  + Nhận biết cách vẽ hai đường thẳng song song.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Luyện tập chung | 2 | 5; 6 | **Năng lực:**  + Củng cố các kiến thức về góc, tia phân giác của góc, hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.  **+** Hoàn thiện dần kỹ năng trình bày bài tập hình học  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Bài 10: Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song | 2 | 7; 8 | **Năng lực:**  + Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  + Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 11: Định lí và chứng minh định lí | 2 | 9; 10 | **Năng lực:**  + Nhận biết một định lí, giả thiết, kết luận của định lí  + Làm quen với chứng minh định lí.  + Vận dụng giải quyết được một số bài tập đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung | 2 | 11; 12 | **Năng lực:**  **+** Vận dụng kiến thức bài 10;11 để vẽ hình , viết giả thiết kết luận và trình bày chứng minh định lí  **+** Hoàn thiện kỹ năng trình bày bài tập hình học  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Bài tập cuối chương III | 2 | 13; 14 | **Năng lực:**  **+** Hệ thống các kiến thức đã học trong chương III  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập, một số tình huống thực tiễn đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| **HÌNH HỌC**  **CHƯƠNG IV. TAM GIÁC BẰNG NHAU** | | | | |
| Bài 12: Tổng các góc trong một tam giác | 2 | 15; 16 | **Năng lực:**  + Giải thích định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng thực nghiệm cắt ghép hình và bằng suy luận.  + Tính số đo của một góc dựa vào định lí tổng ba góc.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| **Kiểm tra giữa học kì 1** | 2 | 17; 18 | Kiểm tra kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 8 (Phần Đại số và Hình học) |  |
| Bài 13: Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác. | 2 | 19, 20 | **Năng lực:**  + Nhận biết hai tam giác bằng nhau.  + Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c.c.c.  + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Luyện tập chung | 2 | 21, 22 | **Năng lực:**  **+** Tính được số đo các góc trong một tam giác  + Chứng minh được hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh - cạnh - cạnh (c.c.c )  +Hoàn thiện kỹ năng trình bày bài tập hình học  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài 14: Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác. | 2 | 23; 24 | **Năng lực:**  + Giải thích hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp c.g.c và g.c.g.  + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.  + Lập luận và chứng minh trong những trường hợp đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung | 2 | 25; 26 | **Năng lực:**  **+** Nắm vững kiến thức về chứng minh hai tam giác bằng nhau  +Vận dụng hai tam giác bằng nhau để lập luận và chứng minh trong những trường hợp đơn giản.  + Hoàn thiện kỹ năng trình bày bài tập hình học **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Bài 15: Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông | 2 | 27; 28 | **Năng lực:**  + Giải thích các trường hợp bằng nhau của hai tam giác vuông.  **+** Tìm hiểu trường hợp bằng nhau đặc biệt của tam giác vuông  +Lập luận và chứng minh trong những trường hợp đơn giản về hai tam giác vuông bằng nhau  + Hoàn thiện kỹ năng trình bày bài tập hình học.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài 16: Tam giác cân. Đường trung trực của một đoạn thẳng.  Luyện tập chung  **Chủ đề STEM:** **Ứng dụng thực tế của Tam giác cân** | 4 | 29; 30  31; 32 | **Năng lực:**  + Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân.  + Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực.  + Vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập  + Vận dụng kiến thức để giải các bài tập.  + Báo cáo kết quả Chủ đề STEM.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài tập cuối chương IV | 1 | 33 | **Năng lực:**  **+** Hệ thống các kiến thức đã học trong chương IV  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập, một số bài toán thực tiễn.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề, trí tưởng tượng; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập.quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |  |
| Ôn tập cuối học kì 1 | 1 | 34 | **Năng lực:**  + Tổng hợp, hệ thống được kiến thức trong chương 3, 4.  *+* Vận dụng các nội dung kiến thức đã được học vào giải toán, giải quyết các vấn đề thực tiễn  + Có kỹ năng trình bày, lập luận  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Trả bài kiểm tra và hệ thống kiến thức HKI | 2 | 35; 36 | Trả bài Kiểm tra kiến thức học kì |  |
| Hệ thông kiến thức đã học của Học kỳ 1 |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết theo PPCT** | **Yêu cầu cần đạt.** | **Thiết bị dạy học** |
| **CHƯƠNG VI. TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ** | | | | |
| Bài 20: Tỉ lệ thức | 2 | 37; 38 | **Năng lực**:  + Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức  + Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán  + Giải quyết được một số bài toán có nội dung liên quan đến tỷ lệ thức  **Phẩm chất**  + Thông qua quá trình tìm hiểu, suy luận tính toán, hình thành phẩm chất chăm chỉ.  + Thông qua hoạt động nhóm, hình thành lòng nhân ái, tính trách nhiệm. |  |
| **Nghiên cứu bài học:**  Bài 21: Tính chất dãy tỉ số bằng nhau | 2 | 39; 40 | **Năng lực**:  + Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau  + Vận dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán  + Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến dãy tỉ số bằng nhau.  **Phẩm chất**:  + Thông qua quá trình tìm hiểu, suy luận tính toán, hình thành phẩm chất chăm chỉ.  + Thông qua hoạt động nhóm, hình |  |
| Luyện tập chung | 2 | 41; 42 | **Năng lực**:  ***+*** Hệ thống và gắn kết được các kiến thức bài 20; 21.  **+** Nâng cao kỹ năng giải toán, vận dụng giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  **+** Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo |  |
| Bài 22: Đại lượng tỉ lệ thuận | 2 | 43; 44 | **Năng lực**:  + Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận  + Nhận biết tính chất hai đại lượng tỉ lệ thuận  + Biết cách tìm hệ số tỉ lệ, tìm giá trị của một đại lượng khi biết đại lượng kia và hệ số tỷ lệ của hai đại lượng tỷ lệ thuận  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.  **Phẩm chất**  + Thông qua quá trình tìm hiểu, suy luận tính toán, hình thành phẩm chất chăm chỉ.  + Thông qua hoạt động nhóm, hình thành lòng nhân ái, tính trách nhiệm. |  |
| Bài 23: Đại lượng tỉ lệ nghịch | 2 | 45; 46 | **Năng lực:**  + Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch  + Nhận biết tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch  + Biết cách tìm hệ số tỉ lệ, tìm giá trị của một đại lượng khi biết đại lượng kia và hệ số tỷ lệ của hai đại lượng tỷ lệ nghịch  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.  **Phẩm chất**  + Thông qua quá trình tìm hiểu, suy luận tính toán, hình thành phẩm chất chăm chỉ.  + Thông qua hoạt động nhóm, hình thành lòng nhân ái, tính trách nhiệm. |  |
| Luyện tập chung | 1 | 47 | **Năng lực:**  + Vận dụng được tính chất chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.  Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  **+** Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo |  |
| Bài tập cuối chương VI | 1 | 48 | **Năng lực**  *+*Tổng hợp, kết nối được các kiến thức của các bài học trong chương.  **+** Nâng cao các kĩ năng đã hoàn thành trước đó.  + Hoàn thiện kỹ năng giải và trình bày giải toán.  **Phẩm chất**  + Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo để giải quyết vấn đề thực tiễn.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| **CHƯƠNG VII. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC MỘT BIẾN** | | | | |
| Bài 24: Biểu thức đại số | 1 | 49 | **Năng lực**  + Nhận biết được biểu thức số và biểu thức đại số  + Tính được giá trị của biểu thức đại số  **Phẩm chất**:  +Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 25: Đa thức một biến | 1 | 50 | **Năng lực**  + Nhận biết đơn thức (một biến) và bậc của đơn thức.  + Nhận biết đa thức (một biến) và các hạng tử của nó.  + Thu gọn và sắp xếp đa thức.  + Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.  + Tính giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến  + Nhận biết nghiệm của một đa thức.  **Phẩm chất**:  +Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm , trung thực trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 25: Đa thức một biến (TT) | 2 | 51; 52 | + Nhận biết đơn thức (một biến) và bậc của đơn thức.  + Nhận biết đa thức (một biến) và các hạng tử của nó.  + Thu gọn và sắp xếp đa thức.  + Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.  + Tính giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến  + Nhận biết nghiệm của một đa thức. |  |
| **Ôn tập giữa kì 2** | 2 | 53; 54 | **Năng lực:**  **+** Tổng hợp các kiến thức đã học trong chương trình kỳ 2 của phân môn đại số  **+** Tổng hợp các kiến thức đã học trong chương trình kỳ 2 của phân môn hình học  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực hiện các bài tập, các vấn đề thực tiễn cụ thể .  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng khả năng tổng hợp; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Trung thực trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 26: Phép cộng và phép trừ đa thức một biến | 2 | 55; 56 | **Năng lực**  + Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức.  + Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức.  + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.  + Vận dụng được các phép cộng, trừ đa thức một biến vào giải các bài toán liên quan  **Phẩm chất**:  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Luyện tập chung | 1 | 57 | **Năng lực**  + Hệ thống và gắn kết kiến thức các bài đã học  **Phẩm chất**:  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Bài 27: Phép nhân đa thức một biến | 2 | 58; 59 | **Năng lực**  + Thực hiện các phép tính nhân hai đa thức cùng biến  + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.  **Phẩm chất**:  +Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 28: Phép chia đa thức một biến | 2 | 60;61 | **Năng lực**  + Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến  + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.  **Phẩm chất**:  +Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |
| Luyện tập chung | 1 | 62 | **Năng lực**  + Hệ thống và gắn kết kiến thức các bài đã học  + Vận dung các phép toán và tính chất các phép toán về đa thức vào giải các bài liên quan  **Phẩm chất**:  +Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao |
| Bài tập cuối chương VII | 1 | 63 | **Năng lực:**  + Hệ thống các kiến thức đã học trong chương VII  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập, một số tình huống thực tiễn đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| **CHƯƠNG VIII. LÀM QUEN VỚI BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ** | | | | |
| Bài 29: Làm quen với biến cố | 1 | 64 | **Năng lực:**  + Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản.  + Xác định được biến cố, biến cố chắc chắn, biến cố không thể, biến cố ngẫu nhiên  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan đến một số tình huống thực tiễn đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tìm tòi cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài 30: Làm quen với xác suất của biến cố | 1 | 65 | **Năng lực:**  + Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.  + So sánh được xác suất của các biến cố trong một số trường hợp đơn giản  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tìm tòi cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung | 1 | 66 | **Năng lực**  + Hệ thống và gắn kết kiến thức các bài đã học  +Biết tính xác suất của một số biến cố trong một số trường hợp đơn giản  **Phẩm chất**:  +Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, thói quen ghi bài cẩn thận, khoa học. |  |
| Kiểm tra cuối học kì 2 | 2 | 67, 68 | Kiểm tra kiến thức của học kì II |  |
| Bài tập cuối chương VIII | 1 | 69 | **Năng lực**  + Hệ thống các kiến thức đã học trong chương VIII  + Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập, một số tình huống thực tiễn đơn giản.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, thói quen ghi bài cẩn thận, khoa học. |  |
| Ôn tập cuối học kì 2 | 1 | 70 | **Năng lực**  + Vận dụng các tính chất của đẳng thức, tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết.  + Vận dụng tính giá trị của biểu thức  + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.  + Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến  + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, khả năng tổng hợp vấn đề cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, thói quen ghi bài cẩn thận, khoa học. |  |
| **HÌNH HỌC**  **CHƯƠNG IX. QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG MỘT TAM GIÁC.** | | | | |
| Bài 31: Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. | 2 | 37; 38 | **Năng lực:**  + Nhận biết hai định lí về cạnh và góc đối diện trong một tam giác.  + Vận dụng và tam giác vuông để nhận biết được cạnh lớn nhất trong tam giác vuông  + Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 32. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên | 2 | 39; 40 | **Năng lực:**  + Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ một điểm đến đường thẳng  + Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên.  + Biết sử dụng công cụ học tập để vẽ đường thẳng vuông góc.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Bài 33. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. | 2 | 41; 42 | **Năng lực:**  **+** Hiểu được mối quan hệ giữa độ dài ba cạnh tam giác (bất đẳng thức tam giác).  + Vận dụng bđt để kiểm tra ba độ dài có phải là độ dài ba cạnh của một tam giác hay không.  + Vận dụng bài học để giải quyết tình huống thực tiễn.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá cho học sinh.  + Chăm chỉ và có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung | 1 | 43 | **Năng lực:**  + Củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn  **+** Hoàn thiện dần kỹ năng trình bày bài tập hình học  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| Bài 34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác | 3 | 44; 45; 46 | **Năng lực:**  + Nhận biết đường trung tuyến, đường phân giác của tam giác  + Nhận biết sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. |  |
| Bài 35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác | 2 | 47;48 | **Năng lực:**  + Nhận biết đường trung trực, đường cao của tam giác  + Nhận biết sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác.  + Vận dụng giải quyết được một số bài tập đơn giản, phát hiện được tính chất của tam giác đều.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập chung | 1 | 49 | **Năng lực:**  + Rèn luyện kiến thức về sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyaats các bài tập liên quan.  + Vận dụng giải quyết được một số bài tập đơn giản, phát hiện được tính chất của tam giác đều.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| **Kiểm tra giữa học kì 2** | 2 | 50;51 | + Kiểm tra kiến thức phần đại số và hình học. |  |
| Bài tập cuối chương IX | 1 | 52 | **Năng lực:**  + Củng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyaats các bài tập liên quan.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, cần cù trong thực hiện nhiệm vụ học tập |  |
| **HÌNH HỌC**  **CHƯƠNG X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN** | | | | |
| Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | 2 | 53; 54 | **Năng lực:**  + Mô tả một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương  + Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn liền với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh. |  |
| Luyện tập | 1 | 55 | **Năng lực:**  **+** Gọi tên đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.  + Vận dụng công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương để giải quyết một số bài toán thực tế.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác | 3 | 56; 57; 58 | **Năng lực:**  + Mô tả và tạo lập hình lăng trục đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  + Tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  + Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn liền với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Luyện tập | 1 | 59 | **Năng lực:**  + Củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Bài tập cuối chương VIII | 1 | 60; 61 | **Năng lực:**  + Củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương  + Củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.  + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM** | | | | |
| Đại lượng tỉ lệ trong đời sống | 2 | 62; 63 | **Năng lực:**  + Biết chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng  + Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng  + Thực hành tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với Quy tắc 72 trong tài chính.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Vòng quay may mắn | 1 | 64 | **Năng lực:**  + Làm quan với các biến cố và nhận ra được biến cố có xảy ra hay không  + Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Hộp quà và chiếc đế lịch để bàn của em (T1) | 3 | 65; 66; 67 | **Năng lực:**  + Vận dụng các kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như mĩ thuật, thủ công …  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Ôn tập cuối học kì 2 (T2) | 2 | 68; 69 | **Năng lực:**  + H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì.  + Biết vận dụng làm các BT áp dụng.  + Rèn luyện kĩ năng tính toán, kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập.  **Phẩm chất:**  **+** Bồi dưỡng hứng thú học tập; trí tưởng tượng; ý thức làm việc nhóm; ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh.  + Chăm chỉ, nghiêm túc khi thực hiện nhiệm vụ học tập. |  |
| Trả bài hệ thống kiến thức học kì 2 | 2 | 70 | Hệ thống lại kiến thức đã học của Học kỳ 2 |  |

**PHẦN B**

**CHƯƠNG TRÌNH DẠY THÊM MÔN TOÁN 7**

**Năm học: 2024- 2025**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng**  **dạy học** | **Hình thức**  **tổ chức**  **dạy học** | **Ghi chú** |
| 1 | Ôn tập về đường thẳng vuông góc - Đường thẳng song song | **-** Nắm vững khái niệm về 2 đường thẳng vuông góc,đường thẳng song song.  **-** Rèn luyện kỹ năng nhận biết 2 đường thẳng vuông góc,2 đường thẳng song song. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 2 | Ôn tập các phép toán về số hữu tỉ | **-** Vận dụng các quy tắc cộng,trừ,nhân,chia số hữu tỷ để làm các phép toán nhanh và đúng.  **-** Rèn luyện kỹ năng tính toán. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 3 | Ôn tập các phép toán về số hữu tỉ  ( Tiếp theo) | **-** Vận dụng các quy tắc cộng,trừ,nhân,chia số hữu tỷ để làm các phép toán nhanh và đúng.  **-** Rèn luyện kỹ năng tính toán. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 4 | Ôn tập về lũy thừa của số hữu tỉ | **-** Nắm vững khái niệm lũy thừa với số mũ tự nhiên của 1 số hữu tỷ,các quy tắc tính tích, thương của 2 lũy thừa cùng cơ số, quy tắc tính lũy thừa của lũy thừa.  **-** Rèn kỹ năng vận dụng các quy tắc trên trong tính toán. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 5 | Ôn tập về tính chất hai đường thẳng song song | **-** Nắm vững dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song.  **-** Rèn kỹ năng dùng thước và êke để vẽ 2 đường thẳng song song.  -Vận dụng tính chất 2 đường thẳng song song để làm 1 số bài tập. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 6 | Ôn tập về quy tắc thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế. | **-** Nắm vững quy tắc thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế.  **-** Vận dụng tính chất này để giải các bài toán liên quan. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 7 | Ôn tập về đường thẳng từ vuông góc đến song song | **-** Nắm vững quan hệ giữa 2 đường thẳng cùng vuông góc hoặc cùng song song với 1 đường thẳng thứ ba.  **-** Rèn kỹ năng phát biểu đúng 1 mệnh đề toán học. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 8 | Ôn tập về tổng ba góc của một tam giác | **-** Nắm vững định lý về tổng 3 góc của 1 tam giác  **-** Rèn kỹ năng vận dụng định lý trên để tính số đo các góc của 1 tam giác. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 9 | Ôn tập về hai tam giác bằng nhau | **-** Nắm vững khái niệm 2 tam giác bằng nhau, biết viết ký hiệu về 2 tam giác bằng nhau theo quy ước  **-** Rèn kỹ năng phán đoán, nhận xét để kết luận 2 tam giác bằng nhau.  - Rèn kỹ năng nhận biết 2 đoạn thẳng bằng nhau, 2 góc bằng nhau thông qua 2 tam giác bằng nhau. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 10 | Ôn tập về số thực,số vô tỉ, căn bậc hai số học. | **-** Nắm vững số thục bao gồm số vô tỉ và số hữu tỉ.  - Nắm vững khái niệm căn bậc hai số học, tính căn bậc hai số học. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 11 | Ôn tập các trường hợp bằng nhau của tam giác | **-** Nắm vững 3 trường hợp bằng nhau c.g.c, g.c.g, c.c.c của tam giác.  **-** Rèn kỹ năng chứng minh các trường hợp bằng nhau theo 3 trường hợp trên | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 12 | Ôn tập về tam giác cân, đường trung trực của tam giác cân. | **-** Nắm vững định nghĩa tam giác cân, đường trung trực của tam giác cân.  **-** Rèn kỹ năng chứng minh 1 tam giác cân theo các cách dựa vào định nghĩa và tính chất. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 13 | Ôn tập về thu thập và phân loại dữ liệu, Biểu đồ | **-** Nắm vững cách lập bảng tần số từ bảng số liệu thống kê ban đầu  **-** Rèn kỹ năng lập bảng tần số và biết cách nhận xét. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 14 | Ôn tập về tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau. | **-** Nắm vững tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau.  **-** Rèn kỹ năng giải các bài toán chia theo tỉ lệ | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 15 | Ôn tập về đại lượng tỉ lệ thuận. | **-** Nắm vững khái niệm hai đại lương tỉ lệ thuận, các tính chất.  **-** Rèn kỹ năng vận giải các bài toán tỉ lệ. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 16 | Ôn tập về đại lượng tỉ lệ nghịch. | **-** Nắm vững khái niệm hai đại lương tỉ lệ thuận, các tính chất.  **-** Rèn kỹ năng vận giải các bài toán tỉ lệ. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 17 | Ôn tập về biểu thức đại số, đa thức một biến. | **-** Nắm vững khái niệm về biểu thức đại số, đa thức một biến.  **-** Rèn kỹ năng làm các bài toán về cộng, trừ các đa thức một biến. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 18 | Ôn tập về quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên,  giữa đường xiên và hình chiếu | **-** Nắm vững quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, giữa đường xiên và hình chiếu.  **-** Rèn kỹ năng giải các bài toán liên quan đến đường xiên và hình chiếu. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 19 | Ôn tập về quan hệ giữa ba cạnh của tam giác. BĐT tam giác | **-** Nắm vững quan hệ giữa 3 cạnh của tam giác, bất đẳng thức tam giác.  **-** Rèn kỹ năng vận dụng bất đẳng thức trong tam giác để giải 1 số bài tập. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 20 | Ôn tập về đa thức. Nhân chia đa thức một biến. | **-** Nắm vững khái niệm đa thức  - Rèn kỹ năng cộng, trừ đa thức để tính nhanh các bài toán. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 21 | Ôn tập về tính chất ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác | **-** Nắm vững tính chất 3 đường trung tuyến của tam giác  **-** Rèn kỹ năng vận dụng chất 3 đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác để làm nhanh 1 số bài toán liên quan.  **-** Nắm vững khái niệm tính chất tia phân giác của 1 góc  **-** Rèn kỹ năng vận dụng tính chất tia phân giác của 1 góc để làm nhanh 1 số bài tập có liên quan. | 3 tiết  3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 22 | Ôn tập về tính chất ba đường trung trực, ba đường đường cao của tam giác | **-** Nắm vững tính chất ba đường trung trực, ba đường đường cao của tam giác  **-** Rèn kỹ năng vận dụng chất ba đường trung trực, ba đường đường cao của tam giác để làm nhanh 1 số bài toán liên quan. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 23 | Ôn tập về biến cố, xác suất của biến cố. | - Nắm vững khái niệm biến cố, các loại biến cố, xác suất của biến cố.  - Rèn kĩ năng vận dụng vào giải toán. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |
| 24 | Ôn tập một số hình khối trong thực tiễn. | - Nhận dạng một số hình khối trong thực tiễn.  - Nhận biết các yếu tố trong hình hộp.  - Nắm vững công thức tính thể tích, diện tích các hình khối.  - Giải các bài tập liên quan. | 3 tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động. |  |

**PHẦN C**

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI MÔN TOÁN 7**

**Năm học 2024 - 2025**

1. **ĐẠI SỐ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức Tổ chức dạy học** | **Ghi chú** |
| 1 | Dãy các số viết theo quy luật | * Học sinh biết tính chất một số công thức về dãy số viết theo quy luật * Vận dụng tính chất của các dãy số trong giải các bài toán. | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 2 | Tỉ lệ thức | * Nắm vững định nghĩa và tính chất về tỉ lệ thức * Chứng minh đươc các bài toán liên quan đến tỉ lệ thức | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 3 | Dãy tỉ số bằng nhau | * Nắm vững tính chất của dãy tỉ số bằng nhau * Vận dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán | 3 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 4 | Giá trị tuyệt đối của một số | * Vận dụng kiến thức về giá trị nhỏ nhất của một số để tìm ẩn số * Vận dụng kiến thức về giá trị nhỏ nhất trong một số bài toán về bất đẳng thức | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 5 | Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất | * Biết phương pháp tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của biểu thức * Tìm được giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của một số biểu thức | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 6 | Các bài toán về số thập phân và căn bậc hai | * Thực hiện thành thạo các bài toán tính toán số thập phân * Hiểu khái niệm căn bậc hai và thực hiện một số bài toán về căn bậc hai | 3 Tiết |  |  |
| 7 | Hàm số | * Biết cách tìm nghiệm của hàm số y = ax. * Vận dụng các kiến thức về hàm số để giải toán | 3 Tiết |  |  |
| 8 | Các bài toán về đa thức | * Thực hiện thành thạo các phép toán về đa thức * Vận dụng kiến thức để tìm ẩn số, tìm nghiệm của đa thức. | 6 Tiết |  |  |

**II. HÌNH HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng dạy học** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Ghi chú** |
| 1 | Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song | * Hiểu và nêu được các định lý về mối quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song * Vận dụng mối quan hệ để tính góc và chứng minh hình học | 3 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 2 | Các trường hợp bằng nhau của tam giác | * Hiểu và nêu được, vẽ được hình của các trường hợp bằng nhau * Vận dụng các trường hợp bằng nhau của tam tam giác để chứng minh các góc, các cạnh bằng nhau. Tính số đo góc, tính đoạn thẳng | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại  lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 3 | Các bài toán về tam giác cân và tam giác đều | * Nắm vững định nghĩa và tính chất về tam giác cân và tam giác đều. * Vận dụng để chứng minh tam giác cân, tam giác đều. tính số đo góc,tính đoạn thẳng. | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 4 | Các bài toán về tam giác vuông | * Nắm vững định nghĩa, tính chất của tam giác vuông, định lý pytago. * Vận dụng kiến thức để giải các bài toán hình học. | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |
| 5 | Các đường đồng quy trong tam giác | * Nêu được các đường đồng quy trong tam giác. * Chứng minh các bài toán về các đường đồng quy | 6 Tiết | Tổ chức  hoạt động tại lớp học.  Đánh giá HS qua kết quả hoạt động |  |